

Quảng Ngãi

Kết quả thực hiện các Hiệp định Thương mại Tự do của địa phương

Trung bình

NHÓM 5/6

XẾP LOẠI

Trung bình

Nhóm 5/6 — Hạng 27/34 tỉnh được đánh giá.

ĐIỂM TỔNG HỢP

16,11 / 40

Thấp hơn mức trung bình cả nước (21,66) 5,54 điểm.

TRỤ CỘT YẾU NHẤT

32 / 34

Tiếp cận thông tin — khoảng cách lớn nhất trong bốn trụ cột (-2,03).

TỔNG QUAN BỐN TRỤ CỘT

A TIẾP CẬN THÔNG TIN

HẠNG 32 / 34

2,76 / 10

-2,03 so với TB

B THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

HẠNG 25 / 34

3,77 / 10

-1,44 so với TB

C CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

HẠNG 29 / 34

5,00 / 10

-0,82 so với TB

D PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

HẠNG 26 / 34

4,32 / 10

-1,65 so với TB

★ ĐIỂM MẠNH TƯƠNG ĐỐI

- #4 C4 — Mức độ tận dụng cam kết cụ thể của FTA
- #5 A3 — Hình thức tiếp cận thông tin về FTA
- #6 C5 — Rào cản tận dụng
- #7 C6 — Tiếp cận chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh

KHOẢNG TRỐNG NGHIỆM TRỌNG

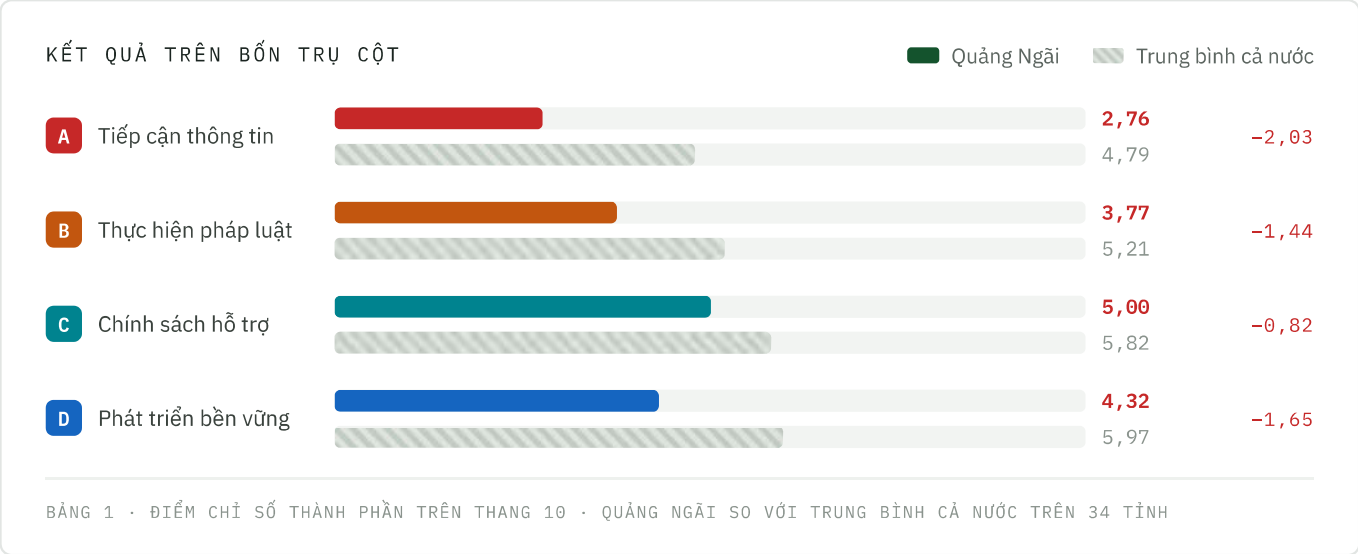
- Hạng 34 A4/A7 — Chất lượng thông tin từ CQNN & Chất lượng sự kiện
- Hạng 34 C3 — Hình thức tận dụng FTA
- Hạng 33 A8/C1 — Chất lượng thông tin dự báo & Tận dụng FTA đã ký kết
- Hạng 33 B3 — Chất lượng hướng dẫn pháp lý

NGUỒN: FTA INDEX 2025 (TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG THỰC HIỆN CHO BỘ CÔNG THƯƠNG); KHẢO SÁT 4.066 DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU. ĐIỂM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN TRÊN THANG 10; ĐIỂM TỔNG HỢP TRÊN THANG 40. XẾP HẠNG TRÊN TỔNG SỐ 34 TỈNH.

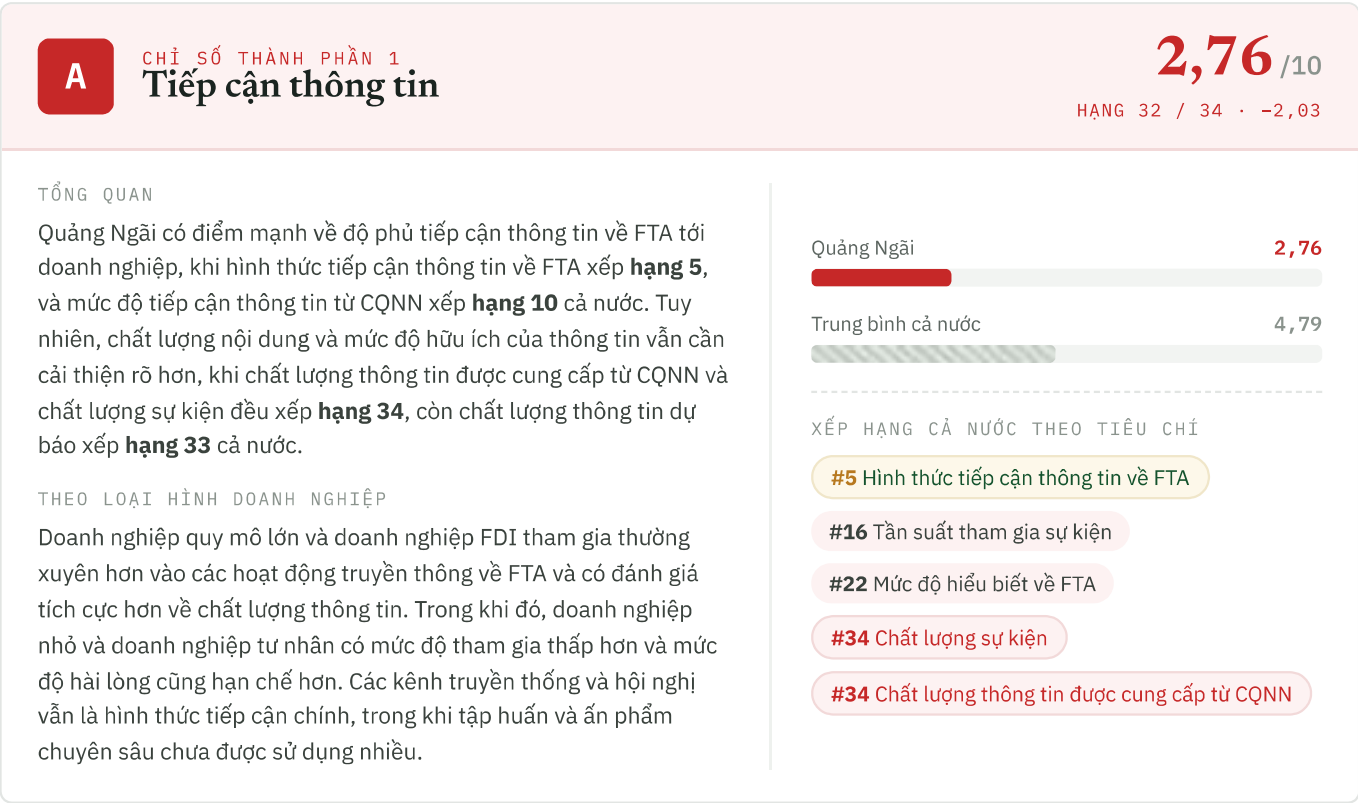
01 Tổng quan kết quả

Quảng Ngãi đạt **16,11 trên 40 điểm**, xếp **hạng 27/34**, và được xếp vào nhóm **Trung bình**. Điểm số của tỉnh thấp hơn 5,54 điểm so với mức trung bình cả nước (21,66). Kết quả này cho thấy, hồ sơ thực thi FTA của tỉnh có sự phân hóa rõ rệt, khi doanh nghiệp trong tỉnh đã có một số năng lực tiếp cận và khai thác FTA nhất định - tuy nhiên, chất lượng hỗ trợ và chiều sâu tận dụng vẫn còn hạn chế. Điểm mạnh tương đối nằm ở khả năng tiếp cận thông tin, tiếp cận chính

sách hỗ trợ và mức độ khai thác một số cam kết FTA cụ thể. Dù vậy, chất lượng hỗ trợ thông tin, chất lượng sự kiện truyền thông, thông tin dự báo và mức độ tận dụng FTA trên diện rộng vẫn là những điểm cần cải thiện.



02 Phân tích chi tiết theo chỉ số thành phần



lượng hướng dẫn VBPL khi chỉ xếp **hạng 33**, và mức độ phức tạp khi tuân thủ VBPL thực thi FTA khi xếp **hạng 32** cả nước. Điều này cho thấy doanh nghiệp có tiếp xúc với các hoạt động pháp lý liên quan đến FTA, nhưng nội dung hướng dẫn chưa đủ rõ ràng, thực tiễn và dễ áp dụng.

THEO LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp quy mô lớn và doanh nghiệp FDI có mức độ hiểu biết tốt hơn về thuế quan ưu đãi, quy tắc xuất xứ, SPS, TBT và các nội dung FTA khác. Trong khi đó, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp tư nhân thường mới dừng ở mức hiểu biết cơ bản hoặc chưa nắm rõ các quy định liên quan. Nhóm doanh nghiệp nhà nước chủ yếu ghi nhận mức hiểu biết cơ bản về các nội dung, chưa thể hiện rõ mức độ tích hợp sâu vào hoạt động thực tế.

XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

#18 Phản hồi chính sách

#19 Tham gia đào tạo tập huấn thực thi cam kết

#22 Mức độ nắm rõ VBPL thực thi FTA

#32 Mức độ phức tạp tuân thủ VBPL thực thi FTA

#33 Chất lượng hướng dẫn VBPL



CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 3

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA

5,00 /10

HẠNG 29 / 34 · -0,82

TỔNG QUAN

Nhìn chung, các chỉ số phản ánh một bức tranh khá rõ ràng - khi các doanh nghiệp trong tỉnh, mặc dù có ghi nhận tích cực trong việc khai thác một số cam kết FTA cụ thể, nhưng mức độ tận dụng FTA nói chung vẫn còn hạn chế. Cụ thể, mức độ tận dụng cam kết cụ thể của FTA xếp **hạng 4**, trong khi khả năng tận dụng các FTA Việt Nam đã ký kết chỉ xếp **hạng 33** và hình thức tận dụng xếp **hạng 34** toàn quốc. Chất lượng chương trình xúc tiến thương mại và các chương trình hỗ trợ cần thiết cũng cần được cải thiện, khiến trụ cột này chưa phản ánh đầy đủ tiềm năng của khu vực doanh nghiệp xuất khẩu trong tỉnh.

THEO LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

Ưu đãi thuế quan là lợi ích FTA được sử dụng phổ biến nhất, đặc biệt trong nhóm doanh nghiệp quy mô lớn và doanh nghiệp FDI. Trong khi đó, các nội dung kỹ thuật hơn như TBT, SPS, phòng vệ thương mại, SHTT, lao động và môi trường được khai thác ít hơn, nhất là ở nhóm doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp tư nhân trong nước. Điều này cho thấy mức độ tận dụng FTA tại Quảng Ngãi vẫn nghiêng về các lợi ích cơ bản, trong khi các cam kết chuyên sâu và có yêu cầu tuân thủ cao hơn chưa được sử dụng rộng rãi giữa các nhóm doanh nghiệp.

Quảng Ngãi

5,00

Trung bình cả nước

5,82

XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

#4 Mức độ tận dụng cam kết cụ thể của FTA

#7 Tiếp cận chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh

#32 Chương trình hỗ trợ cần thiết để tận dụng hiệu quả FTA

#33 Tận dụng FTA Việt Nam đã ký kết

#34 Hình thức tận dụng



CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 4

Cam kết phát triển bền vững

4,32 /10

HẠNG 26 / 34 · -1,65

TỔNG QUAN

Quảng Ngãi ghi nhận mức độ chuẩn bị tuân thủ các cam kết về PTBV tương đối khả quan, khi chỉ tiêu này xếp **hạng 17** toàn quốc. Tuy nhiên, bức tranh chung vẫn cho thấy nhận thức và hỗ trợ thực thi chưa thật sự rõ nét. Mức độ hiểu biết về SDG, hiệu quả hỗ trợ trong tuân thủ và nhận thức về tác động của cam kết PTBV đều nằm ở nhóm trung bình thấp, trong khi vai trò của tuân thủ PTBV đối với hoạt động doanh nghiệp xếp **hạng 32**. Điều này cho thấy

Quảng Ngãi

4,32

Trung bình cả nước

5,97

XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

doanh nghiệp đã có một số bước chuẩn bị ban đầu, nhưng chưa nhìn nhận đầy đủ ý nghĩa của các yêu cầu PTBV đối với hoạt động sản xuất, xuất khẩu và tiếp cận thị trường.

THEO LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp quy mô lớn và doanh nghiệp FDI có mức độ hiểu biết tốt hơn về các yêu cầu mới như EUDR, CSDDD và CBAM. Trong khi đó, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp tư nhân còn nhiều điểm chưa chắc chắn hoặc chưa nắm rõ các nội dung này. Các doanh nghiệp lớn và nhóm có mức độ tiếp xúc quốc tế cao cũng dự kiến tác động lớn hơn từ các cam kết về lao động, môi trường và đa dạng sinh học.

#17 Mức độ chuẩn bị tuân thủ cam kết PTBV

#24 Hiểu biết về SDG

#25 Hiệu quả hỗ trợ trong tuân thủ cam kết PTBV

#26 Nhận thức tác động của cam kết PTBV

#32 Vai trò tuân thủ cam kết PTBV đến hoạt động DN

03 Kết luận & hàm ý

ĐIỂM MẠNH PHÁT HUY

- **Doanh nghiệp đã có khả năng tiếp cận FTA ban đầu:** Quảng Ngãi có độ phủ thông tin và khả năng tiếp cận chính sách hỗ trợ tương đối tốt, tạo nền tảng để mở rộng hỗ trợ trong giai đoạn tiếp theo.
- **Một số cam kết FTA cụ thể đã được khai thác tích cực:** doanh nghiệp trong tỉnh có ghi nhận tốt về việc sử dụng một số cam kết riêng lẻ, nhất là các lợi ích cơ bản như ưu đãi thuế quan.
- **Đã có bước chuẩn bị nhất định về PTBV:** một bộ phận doanh nghiệp, đặc biệt là nhóm quy mô lớn và FDI, bắt đầu nhận diện các yêu cầu mới từ thị trường nhập khẩu.

ĐIỂM THEN CHỐT CẦN CẢI THIỆN

- **Chất lượng thông tin và sự kiện truyền thông còn hạn chế:** doanh nghiệp đã tiếp cận được thông tin, nhưng nội dung cung cấp chưa đủ hữu ích, cập nhật và sát với nhu cầu xuất nhập khẩu.
- **Hướng dẫn pháp lý cần rõ ràng và dễ áp dụng hơn:** doanh nghiệp có tham gia vào một số hoạt động pháp lý, nhưng chất lượng hướng dẫn và mức độ thuận lợi khi tuân thủ vẫn là điểm nghẽn.
- **Nhận thức về PTBV chưa đồng đều:** doanh nghiệp đã có bước chuẩn bị ban đầu, nhưng chưa nhìn nhận đầy đủ vai trò của các yêu cầu PTBV đối với sản xuất, xuất khẩu và tiếp cận thị trường.

Các bước tiếp theo

NGAY BÂY GIỜ · 0-12 THÁNG

TIẾP THEO · 1-3 NĂM

1

Nâng chất lượng thông tin FTA

Cải thiện nội dung thông tin từ CQNN, sự kiện truyền thông và thông tin dự báo để bám sát hơn nhu cầu xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

A 32 → cao hơn

2

Làm rõ hướng dẫn pháp lý

Tăng tính thực tiễn của hướng dẫn về quy tắc xuất xứ, SPS, TBT, C/O và các quy định FTA để doanh nghiệp dễ áp dụng hơn.

B 25 → cao hơn

3

Mở rộng chiều sâu tận dụng FTA

Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển từ sử dụng một số lợi ích cơ bản sang khai thác nhiều hơn các cam kết kỹ thuật và có giá trị cao hơn.

C 29 → cao hơn

4

Gắn PTBV với yêu cầu thị trường

Làm rõ tác động của các yêu cầu về lao động, môi trường, EUDR, CBAM và CSDDD đối với hoạt động sản xuất, xuất khẩu.

D 26 → cao hơn



MỤC TIÊU

Chuyển từ nhóm “Trung bình” lên “Khá” – nâng chất lượng hỗ trợ và giúp doanh nghiệp Quảng Ngãi tận dụng FTA sâu hơn, thực chất hơn.